**TẬP 19**

**Chương trình Tiếng Hàn cơ bản**

**Cùng nói tiếng Hàn!**

**Tập 19 - Chủ đề 스마트폰/태블릿**

| 1. **HỘI THOẠI 1** |
| --- |
| Nhân vật xuất hiện : Hà, Miki, Hải Anh(해영), Huy  #**Nhà của Hà, Miki**  - Hải Anh hí hửng ấn chuông nhà Hà : Kính coong, kính coong!  - Miki mở cửa: 오, 해영이 왔어? Ô, Hải Anh à?  - Hải Anh: 미키 언니, 안녕? 탄하 언니는 집에 있어? Chào chị Miki. Chị Hà có nhà không?  - Miki: 응, 탄하 언니 불러 줄까? Có, Chị gọi chị Hà cho nhé?  (해영이는 집에 들어감). Hải Anh vào nhà.  - Hà(등장하자마자 잔소리): 너는 기숙사에 사는데 왜 맨날 여기 오지? (Hà xuất hiện liền cằn nhằn em mình) Em ở ký túc xá mà sao suốt ngày đến đây thế?  - Hải Anh: 언니들의 도움이 필요해서 왔어. 하윤 언니는 집에 없어? Em cần các chị giúp vài việc nên đến đây. Chị Hayun không có nhà à?  - Hà: 하윤이는 오늘 아르바이트가 있어서 오전에 일찍 나갔어. 왜, 무슨 일인데? Hôm nay Hayun đi làm thêm nên ra ngoài sớm từ buổi sáng rồi. Sao nào, có chuyện gì?  - Hải Anh: 내일 말하기 시험이 있는데 같이 연습해 줄 사람이 필요해서 왔어. 하윤 언니가 있으면 좋겠어. Ngày mai, em có kỳ thi nói, cần có người luyện tập cùng nên em đến đây. Chị Hayun ở nhà thì tốt biết mấy!  - Hà: 그래? 하윤이가 없네! 이제 나가줄래? Thế à? Hayun không có nhà rồi! Giờ thì về đi nhỉ?  - Hải Anh: ㅎㅎ, 아니, 아니, 우리 탄하 언니와 미키 언니도 괜찮아. 그리고…(태블릿을 꺼내며) 쨘~ 어제 새로 샀어! Hihi, không, không, chị em và chị Miki cũng tốt. Với cả…(giơ máy tính bảng) Tada! Em mới mua hôm qua này!  - Miki (태블릿 만지면서): 오~ 새로 나온 태블릿이네? Ô, đây là máy tính bảng đời mới mà?  - Hà: 왜 샀어? Sao lại mua?  - Hải Anh: 엄마한테 허락 받았거든. 이제부터 스마트하게 공부하는 유학생이 되겠습니다! Em xin mẹ rồi nhé! Từ bây giờ em sẽ trở thành một du học sinh học hành một cách thông minh!  - Miki: 잠깐 봐도 돼? Chị xem một chút được không?  - Hải Anh (đưa máy tính bảng cho Miki): 여기. 어제 사자마자 한국어 공부 앱을 설치했어. 재미있으면서 유용해. Đây. Hôm qua vừa mua xong là em cài đặt ngay ứng dụng học tiếng Hàn. Nó vừa thú vị vừa hữu ích. (hiện app tiếng Hàn - Cùng nói tiếng Hàn)  - Miki (만지면서 이거저거 들어가보고… 갑자기 태블릿과 미키 얼굴이 어두워짐/ cầm máy, nghịch hết cái này đến cái kia, bỗng dưng máy tính bảng tắt nguồn và mặt Miki tối sầm - cho thêm hiệu ứng) 오, 오, 와… 어, 이거 왜 이러지? 해영아, 새 것이 맞아? 왜 작동이 안 되지? Ô, ô, oa… Ơ, cái máy này sao vậy? Hải Anh ơi, cái này mới thật không đấy? Sao không hoạt động nhỉ?  - Hải Anh: 왜? 완전 새 것이야. 어제 샀다니까? Sao ạ? Mới hoàn toàn ý. Em bảo là mới mua hôm qua mà.  - Miki: 태블릿이 작동하지 않아. 화면을 터치해도 반응이 없고 버튼을 눌러도 반응이 없어. Máy tính bảng không hoạt động này. Chạm vào màn hình không có tín hiệu gì rồi ấn đủ các nút cũng vẫn không có tín hiệu gì.  - Hà: 이리 줘 봐. 전원을 껐다가 다시 켜 봐. 어?… 전원이 안 켜져? Đưa mình xem nào. Thử tắt nguồn rồi bật lại xem nào. Ô, sao không khởi động được nhỉ?  - Hải Anh: 엉? 진짜? 어떡해? 어제 샀단 말이야. Ơ? Thật á? Làm sao giờ? Em mới mua hôm qua mà.  - Hà: 이상하다. 충전은 했어? Lạ thế. Em đã sạc chưa?  - Hải Anh: 응 어제 사용한 뒤에 배터리가 없어서 충전했어. 그런데 왜 안 켜지지? Rồi, hôm qua sau khi dùng xong thì pin hết sạch nên em đã sạc rồi. Mà sao không bật lên được nhỉ?  - Hà: 몰라. 계속 눌러도 안 켜져. 다시 충전해 봐. Không biết nữa. Ấn mãi mà không lên. Em thử sạc lại xem.  - Miki: 어? 혹시 고장 난 거 아니야? 나 때문에 고장 난 거 아니지? 잠시만 봤는데. 이리 줘 봐. 충전해볼게. (충전선과 연결해봄) 5분정도 기다려 보자. Ơ? Không phải là bị hỏng chứ? Không phải là do tớ mà hỏng đâu đúng không? Tớ mới xem chút thôi mà. Đưa cho tớ nào. Tớ sẽ sạc pin thử xem. (cắm dây sạc thử) Bọn mình chờ khoảng 5 phút đi.  세 명은 긴장한 표정으로 팔짱을 끼고 기다린다. 5분 후.  Ba bạn khoanh tay, mặt căng thẳng nhìn vào chiếc máy tính bảng. 5 phút sau.  - Miki: 어, 안 되네. (전기 연장선에 꽂힌 충전기와 충전선 보여줌) 왜 안 켜지지? Ơ, không được rồi. (cho các bạn xem dây sạc đã cắm vào máy) Sao không được nhỉ?  - Hà: 새로 산 태블릿인데 벌써 고장이 났다고? 그런데 왜 안 켜질까? ? Nó là cái máy tính bảng mới mua mà sao đã hỏng á? Nhưng mà tại sao không bật lên được nhỉ?  - Hải Anh (ㅜㅜ, khóc huhu): 어떡하지? Làm sao bây giờ?  - Miki (lo lắng): 어떡하지? 오늘은 일요일이라서 서비스 센터에 갈 수도 없는데. Làm sao bây giờ? Hôm nay là chủ nhật nên cũng không thể đến trung tâm bảo hành được.  - Hà: 태블릿을 오늘 꼭 사용해야 해? Hôm nay em nhất định phải dùng máy tính bảng à?  - Hải Anh: 내일 시험이라서 공부해야 하는데, 시험 자료가 모두 태블릿 안에 있어. Vì mai thi nên hôm nay em phải học mà tài liệu ôn thi tất cả đều ở trong máy tính bảng.  - Hà: 책이 없어??? Em không có sách à???  - Hải Anh: 태블릿으로 공부하기 때문에 책은 친구에게 빌려줬어. Em học bằng máy tính bảng nên em cho bạn mượn sách rồi.  - Hà: 너도 참!!! Em cũng thật là!!!  - Miki: 이거 큰일이네. 어떡하지? 어떡하지? Thế thì gay rồi đây. Làm sao bây giờ? Làm sao bây giờ?  - Hải Anh: 오늘 당장 시험 공부를 해야 하는데. (태블릿을 안으면서) 태블릿아 나 좀 살려줘. Em còn phải học ôn thi ngay trong hôm nay mà. (ôm máy tính bảng) Máy tính bảng ơi cứu mình đi.  - Hà : 미리미리 공부하지 그랬어. Em phải học ôn từ trước rồi chứ.  - Hải Anh: 태블릿이 고장 날 거라고는 생각조차 못 했어. Em không thể nghĩ được đến cái đoạn máy tính bảng sẽ bị hỏng.  - Miki(suy nghĩ một lúc rồi nói): 휘를 불러 볼까? 휘는 전자기기에 관심이 많으니까 이 문제를 해결할 수 있을거야. Hay mình gọi Huy đến nhỉ?. Huy quan tâm tới các loại đồ điện tử nên chắc cậu ấy sẽ xử lý được việc này.  - Hà: 휘가? 그래 휘를 불러서 부탁해 보자. Huy à? Ừ ừ, bọn mình gọi nhờ thử Huy xem sao.  - Miki(휘에게 전화하다 gọi cho Huy): 응, 내가 전화해 볼게. Ừ, để mình gọi thử.  잠시후, 휘 등장 Một lúc sau, Huy xuất hiện.  - Huy (안경을 끼고 등장/đeo kính xuất hiện, đoạn này diễn kiểu Conan): 음, 무슨 일이 있어? Ừm, có chuyện gì thế?  - Hải Anh: 새로 산 태블릿인데 고장 난 것 같아. 화면을 터치해도 전원 버튼을 눌러도 아무 반응이 없어. Cái máy tính bảng này em mới mua mà hỏng hay sao ấy. Dù có chạm vào màn hình, ấn vào nút nguồn mà cũng không có tín hiệu gì.  - Huy: 화면을 터치해도 전원 버튼을 눌러도 아무 반응이 없어? Dù có chạm màn hình, ấn vào nút nguồn mà cũng không có tín hiệu gì á?  - Miki: 응, 어떻게 해도 켜지지 않아. 어떡해! 무슨 방법이 없을까? Ừ, bọn mình thử cách nào cũng không bật lên được. Làm sao đây! Không có cách nào sao?  - Hải Anh: 이게 안 켜지면 나는 내일 시험을 볼 수 없어. Nếu không bật lên được thì ngày mai em không thể thi được.  - Huy: (태블릿을 이리저리 만져봄) 진정해! 어디보자! 화면을 터치해도 버튼을 눌러도, 반응이 없네… 혹시 배터리가 없는 것은 아니지? (thao tác mọi chỗ trên máy tính bảng) Cứ bình tĩnh! Xem nào! Chạm vào màn hình hay ấn nút nguồn cũng không có tín hiệu gì nhỉ… Không phải là máy hết pin đấy chứ?  - Miki: (전기 연장선에 꽂힌 충전기와 충전선 보여줌) 우리도 충전해 봤어. (Chìa ra cho thấy củ sạc được cắm vào ổ cắm điện kéo dài và dây sạc) Bọn tớ cũng thử sạc rồi.  - Huy: (태블릿을 이리 저리 살펴보고 생각에 잠긴 뒤) 태블릿에 문제는 없어 보이는데… 혹시, 전기선이 빠진 거 아니야? (전기선을 확인하러 한쪽으로 이동- 화면에서 사라짐) (xem xét máy tính bảng, sau khi đăm chiêu suy nghĩ một hồi lâu) Có vẻ như không có vấn đề gì với cái máy tính bảng… Liệu có phải là dây điện bị tuột ra không nhỉ? (đi kiểm tra dây điện nên dịch chuyển về 1 phía – ra khỏi khung hình).  - Huy: (플러그를 들고 거만하게 나타남) 이거 봐! 플러그를 안 꽂았어.(cầm phích cắm quay trở lại, hơi lên mặt chút vì tìm ra vấn đề) Đây này! Cậu không cắm phích cắm vào ổ điện rồi.  - Hà & Hải Anh: 뭐? Cái gì?  - Miki: 어? 플러그? 플러그를 안 꽂았어? 플러그를 안 꽂아서 그런 거야? Ơ? Phích cắm điện? Mình không cắm phích cắm vào ổ điện á? Thế là do không cắm phích cắm nên vậy à?  - Hà: 아이고… Aigu.  - Hải Anh: 미키 언니… Chị Miki ơi…  - Huy: 플러그를 안 꽂아서 충전이 안 됐어. Cậu không cắm phích cắm nên không sạc điện được đấy mà.  - Miki : 어… 미안, 다시 확인했어야 하는데. Ơ, chị xin lỗi nhé. Lẽ ra chị phải kiểm tra lại.  - Huy (해영에게 말하다): 이제 될 거야, 확인해 봐. (Quay ra nói với Hải Anh) Giờ thì chắc sẽ được thôi, em thử kiểm tra xem sao.  (태블릿 전원이 들어옴)  (Nguồn điện vào máy tính bảng)  - Hải Anh: 아, 이젠 된다! 살았다! 다행이야! 휘 오빠, 고마워. 짱이다! Ồ, bây giờ thì được rồi! Sống rồi! May quá đi. Cảm ơn anh Huy nhé! Anh là nhất!  - Hà: 뭐야! 진짜 고장 난 게 아니라 플러그를 안 꽂아서 그랬던 거야? Cái gì! Không phải hỏng mà bị vậy do không cắm phích cắm á?  - Miki (자책 - tự trách): 태블릿이 고장 난 게 아니라 내가 고장 난 거였네. Không phải là máy tính bảng hỏng mà là mình hỏng nhỉ.  - Hải Anh: 아니야, 언니의 탓이 아니야. 나도 플러그가 빠졌을 거라고는 생각조차 못 했어. Không, không phải lỗi của chị đâu. Em cũng không thể nghĩ được là dây điện bị tuột đấy.  - Hà: 그래, 미키가 이렇게 실수할 거라고는 생각조차 못 했다! Đúng thế, mình cũng không nghĩ được là Miki lại nhầm lẫn thế đâu.  - Miki: 어, 미안… 근데 태블릿이 고장난 것이 아니라서 참 다행이지? Ờ, xin lỗi… Nhưng mà máy tính bảng không bị hỏng nên cũng thật may đúng không?  - Huy (거만한 표정/tự đắc): 다음에 이런 일이 생기면 언제든지 나를 불러. Lần sau mà lại có chuyện như thế này thì cứ gọi mình bất cứ lúc nào nhé.  - Miki: 응, 고마워 ~ Ừ, cảm ơn cậu.  - Hải Anh (휘에게 감탄하다/ngưỡng mộ anh Huy, hỏi hỏi kiểu trẻ con): 나는? 나도 부를 수 있어? Em thì sao? Em gọi có được không?  - Hà (해영을 째려봄/lườm): 야, 너, 빨리 기숙사에 안 돌아가고 뭐해? 시험 공부 안 해? Này! Em không mau về ký túc xá đi còn làm gì nữa? Không ôn thi à?  - Hải Anh: 어? 연습 같이 안 해? 도와줘~ 제발~ 미키 언니, 휘 오빠~ Ơ? Chị không luyện tập cùng em à? Giúp em đi mà. Đi mà!!! Chị Miki, anh Huy!  - Hà (말하면서 문 쪽으로 밀어내기/vừa nói vừa đưa HA ra cửa): 몰라, 몰라, 우리는 시간이 없어. Không biết, không biết. Bọn chị không có thời gian.  - Hải Anh (삐친 표정/dỗi): 엄마한테 말할 거야!!! Em mách mẹ!!!  - Miki và Huy nhìn nhau, bó tay với 2 chị em Hà & Hải Anh.  Kết |
| 1. **TRANH LUẬN** |
| Chủ đề: 태블릿/전자책으로 공부하기 vs 그냥 책으로 공부하기  무엇이 더 효과적일까요?  Học bằng máy tính bảng/ sách điện tử và học qua sách. Cách nào hiệu quả hơn?   | Huy | 저는 첨단 기술의 편리를 추구하는 사람으로서, 태블릿과 전자책 같은 스마트 기기로 공부하는 것을 선호합니다.  Tớ là người chạy theo sự tiện lợi của công nghệ kỹ thuật tiên tiến nên tớ chọn việc học trên các thiết bị điện tử kiểu như máy tính bảng và sách điện tử ấy. | | --- | --- | | Hà | 첨단 기술도 기술이지만, 저는 종이 책으로 공부하는 것을 선호합니다.  Công nghệ kỹ thuật tiên tiến tuy là công nghệ đấy nhưng tớ chọn việc học bằng sách giấy.  책장을 넘기면서, 내가 필요한 내용을 책에 직접 적을 수 있어서 공부에 더 효과적입니다.  Mỗi khi lật từng trang sách tớ có thể viết trực tiếp vào đó, điều này khiến việc học hiệu quả hơn. | | Huy | 효과적이라고요? 과목마다 책이 다른데, 공부하기 위해서 그 모든 책들을 가지고 다니려면 얼마나 무거운데요.  Hiệu quả á? Mỗi môn lại một quyển sách khác nhau, mỗi lần lại định mang tất cả chỗ sách đó đi để học thì nó nặng biết chừng nào.  태블릿 하나에는 수 백, 수 천 권의 책을 저장할 수 있는데, 더 효과적이지 않나요?  Cậu có thể lưu hàng trăm hàng ngàn cuốn sách vào trong cái máy tính bảng, chẳng phải sẽ hiệu quả hơn sao? | | Hà | 정말 공부에 집중하는 사람은 여러 권의 책을 가지고 다니지 않죠.  Người mà tập trung thật sự vào việc học ấy, họ không mang theo nhiều sách đâu.  자기가 공부할 책 한 권에 집중해서 공부하는 것이 더 효과적이지 않나요?  Người ta sẽ chỉ tập trung vào một quyển sách mà mình sẽ học thôi, điều đó chẳng phải là sẽ hiệu quả hơn sao? | | Huy | 공부하는 데 힘을 쏟아야지, 무거운 책을 가지고 다니는 데 힘을 쏟을 필요가 있나요?  Đã học thì phải dồn hết sức cho việc học chứ, có nhất thiết phải dồn sức để mang theo những quyển sách nặng không?  이렇게 작고 얇고 가벼운 태블릿으로 공부하는게 더 효율적이랍니다.  Tớ cho rằng việc học bằng cái máy tính bảng mỏng và nhẹ thế này hiệu quả hơn.  큰 가방도 이제 필요 없어요.  Từ giờ cũng chẳng cần cái cặp sách to nữa. | | Hà | 태블릿이 작고 편리한 것은 인정합니다.  Máy tính bảng thì tớ công nhận là nó nhỏ và thuận tiện thật ấy.  하지만, 태블릿이나 전자책으로 공부하는 것에는 아주 큰 단점이 있습니다.  Tuy nhiên, tớ thấy khi học bằng máy tính bảng hay sách điện tử thì đều có một nhược điểm rất lớn.  전기가 없으면, 충전을 할 수 없으면 태블릿은 전혀 사용할 수 없어요.  Nếu không có điện, nếu không sạc được thì máy tính bảng hoàn toàn không sử dụng được. | | Huy | 흥, 그렇게 말한다면, 종이책도 밤에 공부할 때 전기가 없으면 불을 못 켜서 공부할 수 없으니까 마찬가지 아니에요?  Hừm, nếu mà nói thế thì vào ban đêm mà không có điện thì sách giấy cũng chẳng thể học được ấy, chẳng phải cũng như nhau cả sao?  아, 옛날 방식을 좋아하시니까 옛날 사람처럼 촛불 켜고 공부하시면 더 좋겠네요. À, mà nếu thích kiểu hoài cổ ngày xưa thì cậu thắp nến như người ngày xưa xong rồi học thì chắc sẽ tốt hơn đấy. | | Hà | 낮이든 밤이든, 태블릿이나 전자책은 전기가 없으면 사용할 수 없잖아요.  Dù ban ngày hay ban đêm thì máy tính bảng hoặc sách điện tử ấy, nếu không có điện thì chẳng thể sử dụng được.  그런 점에서 종이책이 더 효과적이라고 생각합니다.  Xét ở phương diện này thì tớ cho rằng sách giấy có hiệu quả hơn đấy. | | Huy | 그렇지만 요즘 세상에 전기 없는 곳이 어디 있나요? 그런 경우는 거의 없습니다.  Nhưng mà dạo này làm gì có nơi nào không có điện chứ? Hầu như sẽ không có trường hợp đó đâu.  태블릿으로는 인터넷도 할 수 있으니까 공부하다가 모르는 것이 있으면 바로 인터넷 검색을 통해 궁금한 것을 즉시 찾아볼 수도 있죠.  Với lại việc dùng máy tính bảng có thể truy cập vào internet được nên trong khi học có gì không biết thì có thể tìm trên mạng, có thể tìm được ngay lời giải cho những điều mình muốn biết.  그러니까 더 효과적인 공부를 할 수 있습니다.  Thế nên việc học có thể sẽ hiệu quả. | | Hà | 아니죠, 아니죠. 오히려 인터넷을 하거나 유튜브를 보느라 공부에 집중하지 못하게 될걸요?  Ồ không, không. Ngược lại tớ thấy có khi máy tính bảng còn làm mình không thể tập trung vào việc học vì mải xem youtube hoặc lướt mạng ấy?  그게 과연 효과적일까요?  Liệu học bằng máy tính bảng có hiệu quả thực sự không?  지난번에 도서관에서 보니까, 휘 씨는 태블릿으로 열심히 게임 동영상만 보고 있던데요? (증거사진)태블릿으로 공부는 언제 하실거예요?  Lần trước tớ còn nhìn thấy cậu đang chỉ có xem các đoạn phim chơi điện tử bằng máy tính bảng đó? (chìa ảnh chứng cứ ra). Thế cậu sẽ học bằng máy tính bảng vào lúc nào vậy? | | Huy | 잠~ 깐 봤던 것뿐이에요. Lúc đó tớ xem một lát thôi mà.  저는 태블릿으로 열심히 공부하는 사람입니다! Tớ là người học hành rất chăm chỉ bằng máy tính bảng đấy.  오히려 탄하 씨야말로 도서관에서 책을 베개처럼 사용하면서 잠만 자고 있던데요?  Ngược lại, cậu ấy, cậu mới là người đã lấy sách làm gối rồi ngủ ở thư viện đó.  (증거사진) 두꺼운 책이 베개 높이와 딱 맞았나봐요? 아주 꿀잠을 주무시던데요?  (Ảnh minh chứng) Có vẻ như độ dày của quyển sách là rất hợp với độ cao của cái gối đó nhỉ? Tớ thấy cậu ngủ rất ngon mà? | | Hà & Huy | 여러분은 종이책과 태블릿 중 무엇으로 공부하시겠습니까?  Thế còn các bạn, các bạn học bằng sách giấy hay máy tính bảng thế? | |